

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 14-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Tuyết

Bà Phạm Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lí – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 341/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 415/2026/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Trương Thị Ngọc L, sinh năm 1977 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn T; con bà: Lê Thị S; Có chồng tên: Ngô Thanh T1 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 người con sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025 (có mặt tại phiên tòa).

2. Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1992 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: A A, phường A (trước đây là Phường E, Quận E), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Ngọc M; con bà: Đinh Thị Ngọc M1; Có chồng tên Huỳnh Văn T2; Có 05 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2025; Tiền án: Ngày 05/5/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 21/9/2021 đã chấp hành xong hình phạt tù (chưa chấp hành xong bản án); tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025 (có mặt tại phiên tòa).

3. Ngô Thanh T1, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1977 tại: Đồng Nai; giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: nhà số D chung cư H V, tổ dân phố A, khu

phố B, Phường E, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi ở nhất định; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn H; con bà: Nguyễn Thị Mỹ L1; Có vợ tên Trương Thị Ngọc L2 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 người con sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025 (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ 35 phút ngày 24/5/2025, tổ công tác 363 Công an Thành phố H trên đường tuần tra đến trước số A N, Phường I, Quận A phát hiện Trần Văn H1 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Quốc T3 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, sau đó mời về trụ sở Công an P, Quận A để làm rõ.

Tại Công an phường qua xét nghiệm (test) N5 với ma túy. H1 khai nhận nguồn gốc ma túy H1 sử dụng mua của một người phụ nữ khoảng 30 tuổi tên Huỳnh Thị Kim N tại A A, Phường E, Quận E, mục đích sử dụng cho bản thân.

Tiến hành mở rộng điều tra Công an P, Quận A mời đối tượng Huỳnh Thị Kim N, Trương Thị Ngọc L và Ngô Thanh T1 để làm rõ. Vụ việc sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 25/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn H1 tại 5 H, Phường E, Quận E và nơi ở của Huỳnh Thị Kim N tại A, Đường A, phường E, Quận E. Qua khám xét không thu giữ được gì.

Ngày 30/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Thị Ngọc L tại 194 cư xá đường sắt đường L, Phường A, Quận C. Qua khám xét không thu giữ được gì.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Văn H1, Huỳnh Thị Kim N, Trương Thị Ngọc L và Ngô Thanh T1 khai nhận:

Vào khoảng 02 giờ 00 ngày 14/05/2025, Huỳnh Thị Kim N đang ngủ ở nhà thì Trần Văn H1 điện thoại Zalo nhờ N mua 200.000 đồng ma túy (do H1 có mối quan hệ là em chồng bà con của N), N nhận lời và dùng điện thoại sim số 0765.780.654 nhá máy vào số 0896934733 của Trương Thị Ngọc L, sau đó L gọi điện lại cho N, N đặt mua 200.000 đồng ma túy thì L đồng ý. L sử dụng điện thoại gọi vào số 0937154005 cho đối tượng tên “Mén” (không rõ lai lịch) mua 160.000 đồng tiền ma túy. Khoảng 30 phút sau, “Mén” đến giao ma túy cho Liên cách nhà L khoảng 10m. Sau khi nhận được ma túy, L kêu Ngô Thanh T1 (sống chung như vợ chồng với L) lấy xe mô tô biển số 51H5-1859 chở đến nhà N tại số A A, Phường E, Quận E để giao ma túy (T1 biết L đến bán ma túy). Khi đến hẻm A A cách nhà N khoảng 10m, L đi bộ đến nhà N để gặp N, N điện thoại cho H1, khoảng 10 phút sau H1 đi bộ đến. Tại đây N đưa mã QR trên điện thoại của N cho H1 quét chuyển

130.000 đồng vào tài khoản số 1049757716 tại Ngân hàng V mang tên Huỳnh Thị Kim N1 rồi H1 mượn N 70.000 đồng để trả tiền ma túy cho L, nhận được tiền N chuyển vào tài khoản của L số tài khoản 1301699754 tại Ngân hàng B mang tên NGO THANH THUAN với số tiền 100.000 đồng và trả cho L 100.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền L đưa ma túy cho N, N đưa lại ma túy cho H1 rồi cả ba bỏ đi ra về, lần bán ma túy này L thu lợi được 40.000 đồng. T1 và L cùng tiêu xài cá nhân hết. Về đến nhà, H1 chuyển khoản trả lại cho N 70.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng 20 giờ ngày 22/5/2025, N đang ở nhà thì Trần Văn H1 điện thoại nhờ N mua giùm 300.000 đồng ma túy. N đồng ý, N yêu cầu H1 chuyển khoản trước 200.000 đồng, H1 nhờ 01 tài khoản Momo có tên Dương N2 chuyển vào tài khoản Momo của N tên Huỳnh Thị Kim N với số tiền 200.000 đồng, rồi N dùng tài khoản Momo của N chuyển cho L số tiền 200.000 đồng vào tài khoản của L, số tài khoản 1301699754 tại Ngân hàng B mang tên NGO THANH THUAN do trước đã lưu vào máy điện thoại của N và đặt mua 300.000 đồng ma túy từ L. L điện thoại vào số 0937154005 gọi cho đối tượng tên “Mén” mua 250.000 đồng tiền ma túy. Khoảng 30 phút sau M2 đến giao ma túy cho Liên cách nhà L khoảng 10m. Sau khi nhận được ma túy L lấy xe mô tô Honda Wave Biển số: 51H5 – 1859 chạy qua nhà Nguyệt địa chỉ số A A, Phường E, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng để xe cách đó khoảng 05 mét đi bộ lại trước cửa nhà gặp N, sau đó N điện thoại cho H1 đến nhận, một lúc sau H1 được 01 thanh niên chở đến đi trên chiếc xe Honda 50cc, khi đến H1 đưa cho L 100.000 đồng tiền mặt rồi L đưa ma túy cho N, xong N đưa ma túy cho H1 rồi H1 được thanh niên trên chở đi về. Lần bán ma túy này L thu lợi được 50.000 đồng.

Huỳnh Thị Kim N thừa nhận đã hai lần N mua giùm ma túy cho H1 nhưng N không thu lợi bằng tiền, tuy nhiên N được H1 bao ăn nhậu và cho mượn tiền mua sữa cho.

Đối với T1 và L sinh sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Việc L bán ma túy T1 có biết do L có bàn bạc với T1 về việc L bán ma túy, lúc đầu T1 không có đồng ý nhưng sau do hoàn cảnh khó khăn nên T1 đồng ý chở vợ đi giao ma túy. Việc mua bán ma túy do L trực tiếp thực hiện, T1 chỉ chở L đi bán ma túy và do L không có giấy tờ tùy thân, không có hộ khẩu nên không làm được thẻ ngân hàng nên T1 có 01 tài khoản số 1301699754 của Ngân Hàng B do T1 đứng tên NGO THANH THUAN, T1 chụp mã QR tài khoản Ngân hàng để làm hình nền điện thoại cho Liên để giao dịch, chuyển tiền, nếu chuyển khoản thì sẽ chuyển tiền bán ma túy qua số tài khoản của T1, sau đó về rút tiền ra tiêu xài chung.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh tím, số seri: TWGIBAUKWSWKG6JR, số Imei: 869874049920950, Imei2: 8698740449920943, sim điện thoại: 0373155092, sim điện thoại 2: 0765780654; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A6 + màu vàng đồng, số S: R58K515CPEV, Imei: 356472090452237, Imei2: 356473090452235; 01 (một) điện thoại di động iphone 7Plus, số máy MN592LL/A, số Seri: C39SYFRTHFYF, Imei: 353815086469552, sim số điện thoại 0778370982; 01 (một) xe mô tô hiệu

Honda Weve biển số: 51H5-1859 màu xanh cam đen, số máy HC09E6632866, số khung: RLHHC09086Y617539.

Bản cáo trạng số: 173/CT-VKS-KV3 ngày 04/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trương Thị Ngọc L và Ngô Thanh T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025); truy tố bị cáo Huỳnh Thị Kim N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, q Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc L và Ngô Thanh T1 với mức án tù từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b, q Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim N với mức án tù từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và đều nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp kết quả xét nghiệm dương tính chất ma túy, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận như sau:

Các bị cáo Trương Thị Ngọc L, Ngô Thanh T1 và Huỳnh Thị Kim N đã có hành vi mua ma túy rồi bán lại cho người khác nhằm mục đích hưởng lợi và đã thực hiện việc mua bán ma túy vào ngày 14/5/2025 và ngày 22/5/2025 tại trước số

số A A, Phường E, Quận E (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hành vi của các bị cáo Trương Thị Ngọc L, Ngô Thanh T1 và Huỳnh Thị Kim N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị cáo N phạm tội có tiền án về tội phạm rất nghiêm trọng nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, được quy định tại điểm q Khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Do hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện trước ngày 01/7/2025 là ngày có hiệu lực thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật hình sự năm 2025, nhưng tại khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có mức hình phạt bằng với mức hình phạt của khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên khi xét xử sẽ áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) mà không áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét các bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết việc mua bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật mà Nhà nước nghiêm cấm, nhưng các bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo L và T1 là có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, L và T1 sống chung như vợ chồng, L là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện, T1 là đồng phạm giúp sức, giúp cho L sử dụng số tài khoản ngân hàng của T1 để thực hiện việc mua bán ma túy và chở L đi giao dịch mua bán ma túy. Cả hai lần mua bán ma túy L được hưởng lợi bất chính với số tiền 90.000 đồng.

Bị cáo N phạm tội không có đồng phạm, mặc dù không được hưởng lợi trực tiếp từ việc mua bán ma túy nhưng việc N mua ma túy cho Trần Văn H1 được H1 cho mượn tiền tiêu xài cá nhân và được H1 bao cho ăn nhậu. Bản thân N có một tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây nghiện và độc hại; gây mất trật tự xã hội ở địa phương, còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nhằm mục đích giáo dục các bị cáo, bên cạnh đó có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Riêng bị cáo L và T1 phạm tội nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

riêng bị cáo L và T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để các bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo phạm tội đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về tiền thu lợi bất chính: Xét bị cáo L phạm tội được hưởng lợi bất chính với số tiền 90.000 đồng nên Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo L nộp lại số tiền trên để sung ngân sách nhà nước.

[8] Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[9] Đối với đối tượng tên “Mén” bán ma túy cho Liên hiện chưa rõ lai lịch khi nào bắt được sẽ xử lý theo luật định.

Đối với Trần Văn H1, mua ma túy của Trần Thị Kim N3 về sử dụng cho bản thân và đã sử dụng hết số ma túy nên không có căn cứ để xử lý về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặc khác qua xác minh nhân thân chưa có tiền án, tiền sự và chưa bị xử lý gì về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng Nguyễn Quốc T3 là người đi chung xe với Trần Văn H1 để mua ma túy của N3, được biết T3 nhờ H1 chở đi công việc không liên quan đến việc mua bán, tàng trữ ma túy. Qua test nhanh âm tính nên không xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng:

Xét 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh tím, số seri: TWGIBAUKWSWK6JR, số Imei: 869874049920950, Imei2: 8698740449920943, sim điện thoại: 0373155092, sim điện thoại 2: 0765780654; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A6 + màu vàng đồng, số S: R58K515CPEV, Imei: 356472090452237, Imei2: 356473090452235; 01 (một) điện thoại di động iphone 7Plus, số máy MN592LL/A, số Seri: C39SYFRTHFYF, Imei: 353815086469552, sim số điện thoại 0778370982 là tài sản cá nhân của các bị cáo, sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Xét 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Weve biển số: 51H5-1859 màu xanh cam đen, số máy HC09E6632866, số khung: RLHHC09086Y617539 do bị cáo Ngô Thanh T1 đứng tên chủ sở hữu, sử dụng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc L 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

Xử phạt bị cáo Ngô Thanh T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ điểm b, q Khoản 2 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Kim N4 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a, b Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F11 màu xanh tím, số seri: TWGIBAUKWSWK6JR, số Imei: 869874049920950, Imei2: 8698740449920943, sim điện thoại: 0373155092, sim điện thoại 2: 0765780654; 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A6 + màu vàng đồng, số S: R58K515CPEV, Imei: 356472090452237, Imei2: 356473090452235; 01 (một) điện thoại di động iphone 7Plus, số máy MN592LL/A, số Seri: C39SYFRTHFYF, Imei: 353815086469552, sim số điện thoại 0778370982; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Weve biển số: 51H5-1859 màu xanh cam đen, số máy HC09E6632866, số khung: RLHHC09086Y617539.

Buộc bị cáo Trương Thị Ngọc L nộp lại số tiền thu lợi bất chính 90.000 đồng (chín mươi nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thi hành án dân sự Thành phố H).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3;
- Cơ quan CSĐT Công an TPHCM;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Phòng PV 06 – Công an TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền